ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TRƯỜNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 208/KH-UBND	*Trường Ninh, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Trường Ninh năm 2026 và giai đoạn 2026–2030; tập trung hoàn thành các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới theo lộ trình năm 2026 (Hoàn thành quý III/2027)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và các văn bản pháp luật có liên quan;

Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026–2035;

Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026–2030;

Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg ngày 28/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại và tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026–2030;

Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026–2030;

Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030; các thông tư, hướng dẫn chuyên ngành hiện hành;

Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026–2030;

Công văn số 8292/SNNMT-VPĐP ngày 15/9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị hướng dẫn thực hiện và hồ sơ minh chứng đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới giai đoạn 2026–2030;

Công văn số 1038/UBND-NNMT ngày 23/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc chỉ đạo xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026; Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của UBND xã Trường Ninh về thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ CƠ SỞ XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU

Xã Trường Ninh được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã An Ninh, Vạn Ninh, Xuân Ninh và Hiền Ninh; diện tích khoảng 71 km², dân số khoảng 35.471 người. Cùng với sự phát triển của kinh tế đất nước, diện mạo quê hương Trường Ninh ngày một đổi thay, cơ sở hạ tầng khang trang, các dịch vụ xã hội phát triển, đời sống người dân ngày một nâng cao. Các địa phương trước sáp nhập đã có nền tảng xây dựng nông thôn mới vững chắc, 4/4 xã cũ đã về đích xây dựng nông thôn mới và đang trong quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, đây là tiền đề quan trọng tạo động lực và nền tảng để xã xác định mục tiêu xây dựng thành công chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2026 đồng thời củng cố, hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí giai đoạn 2027-2030.

Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị xác định Trường Ninh là xã thuộc Nhóm 2 trong việc phân định chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới. Qua rà soát, đánh giá thực trạng theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026–2030, xã đã đạt 05/10 tiêu chí, gồm: Tiêu chí số 2 về Hạ tầng kinh tế - xã hội; Tiêu chí số 4 về Đào tạo nguồn nhân lực; Tiêu chí số 6 về Giảm nghèo và an sinh xã hội; Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị và hành chính công; Tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng. Đối với các chỉ tiêu thành phần, xã đã đạt 39/47 chỉ tiêu. Còn 08 chỉ tiêu chưa đạt, gồm 03 chỉ tiêu thuộc Tiêu chí số 1 về Quy hoạch (chỉ tiêu 1.1, 1.2, 1.3); chỉ tiêu 3.2 về vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; chỉ tiêu 5.1 về phát triển văn hóa; chỉ tiêu 5.3 về tiêu chí quốc gia về y tế; chỉ tiêu 7.3 về triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử; chỉ tiêu 8.2 về thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ và phụ phẩm nông nghiệp. Đây là những nội dung cần tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực và phân công rõ trách nhiệm để hoàn thành theo lộ trình của Kế hoạch.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa chủ trương, chính sách và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026–2030; tổ chức thực hiện thống nhất trên địa bàn xã Trường Ninh theo nhóm 2, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Rà soát thực chất từng chỉ tiêu, xác định rõ hiện trạng, khoảng cách đến chuẩn, nguyên nhân chưa đạt, giải pháp, nguồn lực, cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp, thời hạn và sản phẩm đầu ra; bảo đảm phương châm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả".

3. Tập trung hoàn thiện hồ sơ và các nội dung có khả năng hoàn thành trong năm 2026; đối với nội dung cần đầu tư, điều chỉnh quy hoạch hoặc cần thời gian triển khai, xây dựng lộ trình cụ thể, phấn đấu hoàn thiện hồ sơ và các điều kiện còn thiếu trong quý III/2027, đồng thời duy trì, nâng cao chất lượng đến năm 2030.

4. Hồ sơ minh chứng phải đúng thành phần theo Công văn số 8292/SNNMT-VPĐP và hướng dẫn chuyên ngành; số liệu thống nhất giữa báo cáo, phụ lục và dữ liệu gốc; mỗi chỉ tiêu có hồ sơ giấy, thư mục điện tử và người chịu trách nhiệm cập nhật.

5. Việc huy động, phân bổ, lồng ghép và sử dụng nguồn lực phải đúng quy định, công khai, minh bạch; không đề xuất mức vốn hoặc cam kết kết quả khi chưa có thẩm định, quyết định phân bổ và số liệu đủ căn cứ.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng xã Trường Ninh phát triển toàn diện, bền vững; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đồng bộ; sản xuất nông nghiệp, kinh tế hợp tác và kinh tế tư nhân phát triển; thu nhập và chất lượng sống của người dân được nâng lên; giảm nghèo đa chiều, bảo đảm an sinh xã hội; môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp; chuyển đổi số được thúc đẩy; hệ thống chính trị, hành chính công, tiếp cận pháp luật và quốc phòng, an ninh được củng cố. Phấn đấu hoàn thành các điều kiện xã đạt chuẩn nông thôn mới theo nhóm 2 trong lộ trình được UBND xã phê duyệt và quy định của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị xác định xã Trường Ninh thuộc Nhóm 2. Qua rà soát, cập nhật kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026–2030, xã đã đạt 05/10 tiêu chí, gồm: Tiêu chí số 2 – Hạ tầng kinh tế - xã hội; Tiêu chí số 4 – Đào tạo nguồn nhân lực; Tiêu chí số 6 –

Giảm nghèo và an sinh xã hội; Tiêu chí số 9 – Hệ thống chính trị và hành chính công; Tiêu chí số 10 – Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng. Đối với chỉ tiêu thành phần, xã đã đạt 39/47 chỉ tiêu, còn 08/47 chỉ tiêu chưa đạt. Các chỉ tiêu chưa đạt gồm: 1.1, 1.2, 1.3 thuộc Tiêu chí số 1 – Quy hoạch; 3.2 – Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; 5.1 – Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa; 5.3 – Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 7.3 – Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử; 8.2 – Thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ và phụ phẩm nông nghiệp. Danh mục yêu cầu, hiện trạng, đánh giá và trách nhiệm thực hiện từng chỉ tiêu được cụ thể hóa tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch.

- Đối với 39 chỉ tiêu đã đạt: tiếp tục duy trì chất lượng, rà soát cập nhật số liệu, hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn; phân công đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, không để phát sinh nội dung không đạt hoặc thiếu căn cứ đánh giá.

- Đối với 08 chỉ tiêu chưa đạt: tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và yêu cầu cụ thể được giao tại Phụ lục 2; xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, tiến độ, nhu cầu nguồn lực và trách nhiệm báo cáo; ưu tiên hoàn thành các nội dung có thể xử lý bằng tổ chức thực hiện, phối hợp và hoàn thiện hồ sơ trong năm 2026.

- Phấn đấu hoàn thành các nội dung, điều kiện cần thiết để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong lộ trình của tỉnh; theo hồ sơ kế hoạch hiện có, tập trung hoàn thiện các điều kiện còn thiếu chậm nhất trong quý III/2027, tùy kết quả thẩm tra và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Xây dựng mỗi năm 2 khu dân cư nông thôn mới, đến cuối năm 2030 có tối thiểu 8/16 thôn đạt danh hiệu khu dân cư nông thôn mới.

- Giai đoạn 2028–2030: duy trì bền vững các tiêu chí; nâng chất lượng thu nhập, hạ tầng, môi trường, dịch vụ công và chuyển đổi số; xem xét mô hình nông thôn mới hiện đại khi đáp ứng đủ điều kiện và có chủ trương của tỉnh.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, điều hành và rà soát tiêu chí

Xây dựng và kiện toàn cơ chế điều hành của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghiên cứu thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn; phân công theo phụ lục; tổ chức họp chuyên đề theo nhóm tiêu chí. Trong 15 ngày kể từ khi kế hoạch được ban hành, từng đơn vị chủ trì rà soát hiện trạng, lập bảng thiếu hụt, danh mục hồ sơ và đề xuất nhiệm vụ/nguồn

lực. Xây dựng văn bản chỉ đạo, phân công cán bộ phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí theo nguyên tắc rõ người, rõ việc, rõ kết quả.

2. Quy hoạch và quản lý phát triển không gian

Rà soát tính đồng bộ của quy hoạch chung xã sau sắp xếp; công khai quy hoạch, ban hành kế hoạch thực hiện; kiểm tra nhu cầu quy hoạch chi tiết và quy chế quản lý kiến trúc theo yêu cầu áp dụng đối với nhóm 2. Tăng cường quản lý trật tự xây dựng, sử dụng đất đúng quy hoạch và cập nhật thay đổi vào hồ sơ.

3. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Kiểm kê đường giao thông, công trình thủy lợi, điện, thương mại, viễn thông và hạ tầng thiết yếu. Ưu tiên sửa chữa/bảo trì, khắc phục điểm mất an toàn, cứng hóa đường thôn/ngõ/xóm theo mức nhóm 2; duy trì tưới-tiêu chủ động đạt ngưỡng nhóm 2 và áp dụng tưới tiết kiệm với cây trồng chủ lực. Lập danh mục dự án theo thứ tự cấp bách, khả năng cân đối vốn và hiệu quả sử dụng.

4. Phát triển kinh tế nông thôn và nâng cao thu nhập

Tập trung vùng nguyên liệu cây trồng/vật nuôi chủ lực, liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, mô hình nông nghiệp công nghệ cao/kinh tế xanh/tuần hoàn; nâng hiệu quả hợp tác xã và tổ khuyến nông cộng đồng; phát triển sản phẩm OCOP, kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh và khu vực sản xuất-dịch vụ phù hợp quy hoạch. Thực hiện thu thập số liệu thu nhập đúng phương pháp, không ước lượng thay cho số liệu thống kê.

5. Đào tạo nguồn nhân lực, văn hóa, giáo dục và y tế

Điều tra lao động có bằng cấp/chứng chỉ; kết nối cơ sở giáo dục nghề nghiệp; nâng tỷ lệ học tiếp sau THPT theo chỉ tiêu được giao. Duy trì thiết chế và phong trào văn hóa; nâng chất lượng giáo dục, phổ cập; phối hợp ngành y tế hoàn thiện tiêu chí y tế xã và mô hình Trạm Y tế, bảo đảm các dịch vụ cơ bản và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

6. Giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội

Rà soát hộ nghèo/cận nghèo theo chuẩn đa chiều; lập kế hoạch giảm nghèo theo hộ, hỗ trợ sinh kế, việc làm, đào tạo nghề, nhà ở và tiếp cận dịch vụ cơ bản. Rà soát nhà ở kiên cố, nước sạch đạt quy chuẩn, bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em và an toàn thực phẩm; lồng ghép chính sách nhưng không tính trùng đối tượng hoặc kết quả.

7. Khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Tăng tỷ lệ số hóa dữ liệu nông nghiệp, môi trường; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, có khả năng tái sử dụng. Hỗ trợ chủ thể kinh tế sử dụng thương mại điện tử, truy

xuất nguồn gốc và thanh toán số. Lựa chọn thôn phù hợp để xây dựng mô hình thôn thông minh, có tiêu chí đầu ra, phương án vận hành và kinh phí duy trì.

8. Môi trường và cảnh quan nông thôn

Củng cố hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; nâng tỷ lệ phân loại, thu gom, xử lý đạt yêu cầu và giảm chôn lấp trực tiếp. Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp bằng biogas, ủ phân, tái chế; kiểm tra 100% cơ sở thuộc diện quản lý về quy hoạch và môi trường; hoàn thiện phương án thoát nước/nước thải; tổ chức chỉnh trang cảnh quan, khơi thông kênh mương và quản lý chất lượng nước mặt.

9. Hệ thống chính trị và hành chính công

Nâng cao chất lượng đánh giá, xếp loại của tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể; duy trì hoạt động hiệu quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công; theo dõi tỷ lệ thủ tục trực tuyến toàn trình đạt mức yêu cầu, chất lượng giải quyết hồ sơ và mức độ hài lòng của người dân.

10. Tiếp cận pháp luật, an ninh, quốc phòng

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận thông tin và đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật. Công an xã chủ trì giữ vững an ninh trật tự, phát huy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng phương án camera AI theo lộ trình. Ban CHQS xã duy trì lực lượng dân quân vững mạnh, huấn luyện, trực sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ quân sự-quốc phòng.

11. Huy động, lồng ghép và quản lý nguồn lực

Rà soát các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, đầu tư công, ngân sách địa phương, các chương trình chuyên ngành, tín dụng chính sách và nguồn lực hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã, cộng đồng. Mọi dự án phải có danh mục, chủ đầu tư, quyết định/phê duyệt, dự toán, kế hoạch vốn và hồ sơ nghiệm thu theo quy định; đóng góp của người dân phải tự nguyện, công khai và đúng pháp luật.

12. Truyền thông, giám sát và quản lý hồ sơ minh chứng

Công khai mục tiêu, tiến độ, nguồn lực và kết quả tại xã/thôn; phát huy giám sát của MTTQ và cộng đồng. Mỗi chỉ tiêu có mã hồ sơ riêng, bản giấy và điện tử; văn bản có số/ngày/cơ quan ban hành; số liệu ghi rõ thời điểm chốt; ảnh ghi địa điểm, thời gian, nội dung. Thực hiện kiểm tra chéo trước khi gửi thẩm tra.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Thời gian	Nội dung trọng tâm	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm đầu ra
Giai đoạn 1: ngay sau ban hành – 31/10/2026	Rà soát chính thức 10 tiêu chí, 47 chỉ tiêu; xác nhận nhóm xã; kiểm kê hồ sơ, dữ liệu, công trình; lập danh mục việc thiếu, nhiệm vụ, nguồn lực và đầu mối.	Các đơn vị chủ trì tiêu chí; Phòng Kinh tế tổng hợp	Bảng rà soát, phiếu nhiệm vụ, danh mục hồ sơ và nhu cầu vốn
Giai đoạn 2: tháng 11–12/2026	Hoàn thiện hồ sơ các chỉ tiêu đã đạt; xử lý các thiếu hụt không cần đầu tư lớn; hoàn thành kế hoạch vốn/danh mục dự án; xây dựng lộ trình cho chỉ tiêu cần đầu tư hoặc phối hợp cấp tỉnh.	Các đơn vị được giao tại Phụ lục	Hồ sơ minh chứng bản giấy/điện tử; báo cáo tiến độ cuối năm
Giai đoạn 3: quý I–II/2027	Triển khai nhiệm vụ cần đầu tư, xây dựng mô hình, khắc phục các chỉ tiêu chưa đạt; kiểm tra thực địa, đối soát dữ liệu và rà soát hồ sơ theo Hướng dẫn 8292.	UBND xã, các đơn vị chủ trì và phối hợp	Biên bản kiểm tra; hồ sơ dự án/mô hình; báo cáo kết quả
Giai đoạn 4: quý III/2027	Tổng rà soát, tự đánh giá, lấy ý kiến cộng đồng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm tra/công nhận theo Quyết định 19/2026/QĐ-TTg và hướng dẫn hiện hành, nếu đủ điều kiện.	Ban Chỉ đạo; Phòng Kinh tế làm đầu mối	Báo cáo tự đánh giá, hồ sơ đề nghị xét công nhận
Giai đoạn 5: 2028–2030	Duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí; cập nhật thay đổi chuẩn; sơ kết hằng năm; lựa chọn nội dung có điều kiện để tiếp cận NTM hiện đại theo chủ trương của tỉnh.	Toàn hệ thống chính trị; các cơ quan, đơn vị	Báo cáo năm, kế hoạch duy trì/nâng cao chất lượng

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân bổ và quy định hiện hành; vốn đầu tư công; ngân sách xã theo phân cấp; các chương trình, dự án có liên quan; nguồn tín dụng và nguồn huy động hợp pháp khác. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, lập dự toán và đề xuất nhu cầu vốn gửi bộ phận tài chính-kế toán tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét. Không tự xác định hoặc cam kết mức vốn khi chưa có quyết định phân bổ.

Nhu cầu kinh phí để xây dựng Nông thôn mới : 372.000.000.000 đồng, trong đó:

Ngân sách Trung ương/tỉnh: 124.000.000.000 đồng

Ngân sách xã: 106.000.000.000 đồng.

Ngân sách xã hội hóa, nguồn khác: 142.000.000.000 đồng

(Phụ lục 1: Nhu cầu nguồn vốn hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới).

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xã: Chỉ đạo, điều hành chung việc thực hiện 10 tiêu chí, 47 chỉ tiêu; phân công thành viên phụ trách từng nhóm tiêu chí; tổ chức kiểm tra thực địa, kiểm tra tiến độ và chất lượng số liệu; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc liên ngành. Định kỳ nghe báo cáo đối với 08 chỉ tiêu chưa đạt, chỉ đạo điều chỉnh giải pháp và đề xuất UBND xã xử lý nội dung vượt thẩm quyền.

2. Phòng Kinh tế: Là cơ quan thường trực, tham mưu UBND xã và Ban Chỉ đạo tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn biểu mẫu, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả 10 tiêu chí, 47 chỉ tiêu. Chủ trì Tiêu chí số 1 – Quy hoạch, gồm: 1.1 quy hoạch chung xã/quy hoạch đô thị được phê duyệt, công bố công khai và có kế hoạch thực hiện; 1.2 quy hoạch chi tiết trung tâm xã hoặc điểm dân cư mới; 1.3 quy chế quản lý kiến trúc. Chủ trì Tiêu chí số 2 – Hạ tầng kinh tế - xã hội đối với 2.1 giao thông nông thôn; 2.2 công trình thủy lợi, tưới và tiêu chủ động; 2.3 chủ động phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; 2.4 điện sinh hoạt, sản xuất an toàn, ổn định; phối hợp Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đối với 2.5 hạ tầng thương mại nông thôn. Chủ trì Tiêu chí số 3 – Phát triển kinh tế nông thôn đối với 3.1 tăng thu nhập; 3.2 vùng nguyên liệu tập trung có chứng nhận, liên kết chế biến và tiêu thụ; 3.3 mô hình nông nghiệp công nghệ cao/kinh tế xanh/tuần hoàn; 3.4 kế hoạch và sản phẩm OCOP; 3.6 hợp tác xã hoạt động hiệu quả; 3.9 kinh tế tư nhân; 3.10 khu, cụm công nghiệp/làng nghề/khu vực sản xuất dịch vụ theo quy hoạch; phối hợp Hội Nông dân đối với 3.8 hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp đối với 3.7 tổ khuyến nông cộng đồng. Chủ trì Tiêu chí số 6 đối với 6.1 tỷ lệ nghèo đa chiều, 6.2 nhà ở kiên cố, 6.3 nước sạch theo quy chuẩn; Tiêu chí số 7 đối với 7.2 số hóa dữ liệu nông nghiệp và môi trường, 7.3 thương mại điện tử; Tiêu chí số 8 đối với 8.1 chất thải rắn, 8.2 chất thải chăn nuôi/chất thải hữu cơ/phụ phẩm nông nghiệp, 8.3 cơ sở sản xuất kinh doanh tuân thủ quy định môi trường, 8.4 thoát nước và nước thải sinh hoạt, 8.5 cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Đối với từng chỉ tiêu, phải xác định khối lượng còn thiếu, danh mục công trình/mô hình, nhu cầu vốn, nguồn vốn, tiến độ và kết quả định lượng; riêng 08 chỉ tiêu chưa đạt phải lập kế hoạch khắc phục riêng, báo cáo UBND xã.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội: Chủ trì Tiêu chí số 4 – Đào tạo nguồn nhân lực, gồm 4.1 tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ và 4.2 tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông; Tiêu chí số 5 đối với 5.1 phát triển văn hóa và 5.2 phát triển giáo dục; Tiêu chí số 6 đối với 6.5 bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó bạo lực trên cơ sở giới; 6.6 phòng, chống xâm hại trẻ em và trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 6.7 an toàn thực phẩm; Tiêu chí số 7 đối với 7.1 điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số; Tiêu chí số 9 đối với 9.1 kết quả đánh giá, xếp loại Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Riêng chỉ tiêu 5.1, chủ trì lập kế hoạch khắc phục từng cấu phần: trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã; thư viện công cộng; nhà văn hóa và khu thể thao thôn; hoạt động văn hóa, thư viện, phong trào thể dục thể thao; hương ước, thôn văn hóa, phòng chống bạo lực gia đình; bảo tồn di sản; ứng dụng số/mã QR, truyền thanh thông minh và đào tạo nhân lực văn hóa. Phối hợp Trạm Y tế xã thực hiện chỉ tiêu 5.3 và các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe.

4. Trạm Y tế xã: Chủ trì chỉ tiêu 5.3 – Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; rà soát và hoàn thiện đầy đủ các nhóm nội dung theo hướng dẫn chuyên ngành, gồm tổ chức bộ máy, đề án vị trí việc làm, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, y tế dự phòng, khám chữa bệnh ban đầu, dân số, bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, an toàn thực phẩm và chất lượng dịch vụ. Chủ động làm việc với cơ quan y tế cấp tỉnh để được hướng dẫn, thẩm định các điều kiện còn thiếu; lập tiến độ hoàn thành và báo cáo định kỳ. Phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội thực hiện chỉ tiêu 5.1, 5.4 và các nội dung an sinh xã hội liên quan.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã: Chủ trì chỉ tiêu 3.7 – Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả; củng cố tổ chức, quy chế, kế hoạch hoạt động; tổ chức tư vấn kỹ thuật, chuyển giao tiến bộ khoa học, hỗ trợ liên kết sản xuất - tiêu thụ, OCOP, truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số nông nghiệp. Phối hợp thực hiện 2.5 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; 3.2 về vùng nguyên liệu; 3.3 về mô hình sản xuất; 3.4 về OCOP; 3.5 về du lịch nông thôn; 3.6 về hợp tác xã; 7.3 về thương mại điện tử; 8.1, 8.2, 8.3, 8.4, 8.5 về thu gom, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường và cảnh quan. Tổ chức hướng dẫn hộ chăn nuôi xử lý chất thải, phát triển mô hình đệm lót sinh học, hầm biogas, ủ phân hữu cơ, thu gom và tái sử dụng phụ phẩm.

6. Hội Nông dân xã: Chủ trì chỉ tiêu 3.8 – Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định; rà soát, bình xét đúng tiêu chuẩn, lập danh sách và số liệu có xác nhận; hỗ trợ hội viên phát triển mô hình sản xuất, liên kết tiêu thụ, ứng dụng kỹ thuật và thương mại điện tử. Phối hợp Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và các

HTX triển khai vùng nguyên liệu, sản phẩm chủ lực, mô hình nông nghiệp xanh và xử lý phụ phẩm.

7. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã: Chủ trì chỉ tiêu 6.4 – Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"; hướng dẫn tiêu chí thành phần, rà soát hộ, xác nhận kết quả; duy trì các mô hình gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, vệ sinh môi trường. Phối hợp thực hiện 5.1 về hoạt động văn hóa cơ sở; 6.5 về bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực; 8.5 về cảnh quan môi trường.

8. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã: Chủ trì chỉ tiêu 7.4 – Có mô hình thôn thông minh; phối hợp lựa chọn, hướng dẫn và giám sát thôn triển khai đủ các điều kiện bắt buộc: người dân sử dụng nền tảng số; điện thoại thông minh; tài khoản định danh điện tử; internet băng rộng; camera AI kết nối; wifi tại nhà văn hóa; sản phẩm chủ lực/OCOP trên sàn thương mại điện tử; Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả. Phối hợp xây dựng mô hình tại thôn Thống Nhất; huy động sự tham gia tự nguyện của người dân và giám sát cộng đồng.

9. Công an xã: Chủ trì chỉ tiêu 10.2 – Bảo đảm an ninh, trật tự, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; đồng thời chủ trì 10.3 – Hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã. Rà soát hiện trạng camera, lập phương án tổng thể về vị trí, phạm vi giám sát, kết nối, lưu trữ dữ liệu, bảo trì, vận hành và kinh phí; bảo đảm hệ thống hoạt động thực chất, tuân thủ quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Phối hợp thực hiện 2.3 về phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai và 6.5, 6.6 khi có yêu cầu.

10. Ban Chỉ huy Quân sự xã: Chủ trì chỉ tiêu 10.4 – Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng; bảo đảm tổ chức, biên chế, trụ sở, chế độ chính sách, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập, trực sẵn sàng chiến đấu, tuyển quân và xây dựng khu vực phòng thủ. Phối hợp Phòng Kinh tế và Công an xã thực hiện 2.3 về phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai theo phương châm "4 tại chỗ".

11. Văn phòng HĐND và UBND xã: Chủ trì chỉ tiêu 10.1 – Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tham mưu phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận thông tin, rà soát và tự đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật. Phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội theo dõi 9.1; tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo, bảo đảm quy trình điều hành, lưu trữ và cung cấp số liệu đúng thời hạn.

12. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã: Chủ trì chỉ tiêu 9.2 – Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt từ 90% trở lên; theo dõi số liệu trên hệ thống, rà soát thủ

tục đủ điều kiện trực tuyến toàn trình, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, tái sử dụng dữ liệu và mức độ hài lòng của người dân. Phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội và Văn phòng HĐND-UBND cập nhật số liệu định kỳ.

13. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã: Phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội thực hiện 4.2 về người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông; cung cấp số liệu phổ cập, phân luồng, học tiếp và đào tạo nghề; phối hợp thực hiện 5.2 về trường chuẩn quốc gia, phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, trung tâm học tập cộng đồng và các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Chủ động xây dựng kế hoạch khắc phục các trường chưa đạt chuẩn quốc gia.

14. Ban quản lý các thôn: Rà soát thực trạng đến từng hộ, tuyến đường, công trình, nhà văn hóa, cơ sở sản xuất, hộ chăn nuôi và điểm phát sinh chất thải; cung cấp số liệu có xác nhận, không báo cáo ước lượng. Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các chỉ tiêu; duy trì đường giao thông, cây xanh, thu gom rác, vệ sinh môi trường, phân loại và xử lý chất thải tại nguồn; vận động hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas, hố ủ, đệm lót sinh học; củng cố nhà văn hóa, câu lạc bộ, thiết chế thể thao, Tổ công nghệ số cộng đồng. Thôn Thống Nhất tập trung hoàn thiện mô hình thôn thông minh; các thôn khác chủ động chuẩn bị điều kiện nhân rộng.

15. Các hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh: Phối hợp Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xây dựng vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất theo quy trình, đăng ký/chứng nhận chất lượng, ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết, truy xuất nguồn gốc; nâng cấp sản phẩm OCOP, xây dựng thương hiệu gạo và nông sản; đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử; thực hiện quy định về môi trường và thu gom, xử lý chất thải.

16. Chế độ thông tin, báo cáo: Trước ngày 15 hằng tháng, đơn vị chủ trì cập nhật tiến độ, kết quả định lượng, khó khăn và đề xuất xử lý đối với từng chỉ tiêu; trước ngày 20 gửi báo cáo, số liệu và tài liệu liên quan về Phòng Kinh tế; trước ngày 25, Phòng Kinh tế tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo và UBND xã. Riêng 08 chỉ tiêu chưa đạt phải báo cáo rõ khối lượng đã thực hiện, khối lượng còn thiếu, nguồn lực và thời hạn hoàn thành. Thực hiện sơ kết 6 tháng, tổng kết năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

17. Cập nhật quy định và kiểm soát chất lượng đánh giá: Khi Trung ương hoặc tỉnh ban hành văn bản mới, đơn vị chủ trì rà soát, cập nhật yêu cầu, ngưỡng đánh giá và biểu mẫu. Chỉ xác nhận đạt khi có số liệu, tài liệu hoặc kết quả kiểm tra thực tế đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nhóm 2; nội dung chưa rõ phải xin ý kiến cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, không tự suy diễn thành yêu cầu bắt buộc.

(Phụ lục 2: Phân công nhiệm vụ thực hiện các Tiêu chí)

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Trường Ninh giai đoạn 2026–2030, trọng tâm thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2026. Các cơ quan, đơn vị, thôn và tổ chức có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Ban Chỉ đạo xã;
- Các cơ quan, đơn vị, thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Ngọc Quý

Phụ lục 1: Nhu cầu nguồn vốn hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

TT	Tiêu chí	Nhu cầu kinh phí (*triệu đồng)*	Ngân sách Trung ương/tỉnh (*triệu đồng)*	Ngân sách xã (*triệu đồng)*	Nguồn xã hội hóa (*triệu đồng)*
1	Quy hoạch	2.000	2.000		
2	Hạ tầng kinh tế xã hội	80.000	40.000	30.000	10.000
3	Phát triển kinh tế nông thôn	50.000	10.000	5.000	35.000
4	Đào tạo nguồn nhân lực	10.000	5.000	3.000	2.000
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	150.000	50.000	50.000	50.000
6	Giảm nghèo và an sinh xã hội	10.000	5.000	1.000	4.000
7	Khoa học, Công nghệ, Chuyển đổi số	20.000	5.000	2.000	13.000
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	20.000	5.000	5.000	10.000
9	Hệ thống chính trị và hành chính công	10.000	5.000	5.000	
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, quốc phòng	20.000	15.000	5.000	
	Tổng	**372.000**	**142.000**	**106.000**	**124.000**

Phục lục 2:

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
1	Tiêu chí số 1: Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Phải có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt; công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện.	Phòng Kinh tế xã	Ban quản lý dự án xã; Phòng VH-XH xã, Trạm Y tế xã, các đơn vị trường học trên địa bàn xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	CHƯA ĐẠT. Quy hoạch chung xã đang trong quá trình lập/hoàn thiện; chưa có đủ quyết định phê duyệt, công bố công khai và kế hoạch thực hiện theo yêu cầu. Phòng Kinh tế cần cập nhật tiến độ thẩm định, phê duyệt và thời điểm công khai.
2	Tiêu chí số 1: Quy hoạch	1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới được phê duyệt theo quy định, phù hợp quy hoạch chung và nhu cầu phát triển.	Phòng Kinh tế xã	Ban quản lý dự án xã; Phòng VH-XH xã, Trạm Y tế xã, các đơn vị trường học trên địa bàn xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	CHƯA ĐẠT. Chưa hoàn thành quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới; cần xác định phạm vi, nhiệm vụ quy hoạch, nguồn vốn và tiến độ trình phê duyệt.
3	Tiêu chí số 1: Quy hoạch	1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Có quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc nội dung quản lý kiến trúc được tích hợp trong quy hoạch chung xã.	Phòng Kinh tế xã	Ban quản lý dự án xã; Phòng VH-XH xã, Trạm Y tế xã, các đơn vị trường học trên địa bàn xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	CHƯA ĐẠT. Quy chế quản lý kiến trúc chưa được phê duyệt hoặc tích hợp đầy đủ trong quy hoạch chung xã; thực hiện đồng bộ sau khi hoàn thành quy hoạch chung.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
4	Tiêu chí số 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch 100%; tối thiểu 50% chiều dài đường xã có cây xanh; tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa; 100% đường giao thông nông thôn được tổ chức bảo trì hằng năm.	Phòng Kinh tế xã	Ban quản lý dự án xã; Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Hệ thống giao thông kết nối đến các khu dân cư; 100% thôn có đường ô tô tiếp cận trung tâm. Một số tuyến cần tiếp tục nâng cấp, trồng cây xanh và cứng hóa ngõ xóm; duy trì bảo trì định kỳ.
5	Tiêu chí số 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm; diện tích sản xuất được tưới, tiêu chủ động đạt từ 80% trở lên; có áp dụng tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực.	Phòng Kinh tế xã	Ban quản lý dự án xã; Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Hệ thống công trình thủy lợi cơ bản phục vụ tưới, tiêu cho vùng sản xuất; diện tích lúa lớn, khoảng 4.000 ha/năm. Tiếp tục lập danh mục công trình cần bảo trì, xác định diện tích tưới-tiêu chủ động và duy trì mô hình tưới tiết kiệm; kinh phí bảo trì còn hạn chế.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
6	Tiêu chí số 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đáp ứng đầy đủ yêu cầu phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; có Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, lực lượng xung kích, kế hoạch và phương án ứng phó; kết quả chấm điểm đạt ngưỡng nhóm 2 theo hướng dẫn.	Phòng Kinh tế xã	Ban chỉ huy quân sự xã, Công an xã, Phòng VH-XH xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, Trạm Y tế xã, các đơn vị trường học trên địa bàn xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Xã đã thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, lực lượng xung kích cấp xã và tổ xung kích tại thôn; ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó các loại hình thiên tai; triển khai phương châm 4 tại chỗ, tuyên truyền và lồng ghép công trình phòng tránh thiên tai.
7	Tiêu chí số 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	Tỷ lệ hộ đăng ký trực tiếp và sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất bảo đảm an toàn, tin cậy, ổn định đạt từ 99% trở lên.	Phòng Kinh tế xã	Phòng VH-XH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Tỷ lệ hộ đăng ký trực tiếp và sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất an toàn, ổn định đạt trên 99% theo số liệu rà soát; tiếp tục phối hợp ngành điện kiểm tra, xử lý điểm mất an toàn.
8	Tiêu chí số 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị đáp ứng điều kiện tương ứng theo bộ tiêu chí áp dụng cho nhóm 2.	Phòng Kinh tế xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Trên địa bàn có 04 chợ nhỏ, khoảng 20 điểm giao dịch hàng hóa và 02 siêu thị mini (WinMart/WinMart+ và Bách hóa Xanh trước). Tiếp tục duy trì điều kiện kinh doanh, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và cập nhật hồ sơ cơ sở thương mại.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
9	Tiêu chí số 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Hạ tầng viễn thông, internet phủ sóng đến 100% khu dân cư nông thôn và vùng sản xuất.	Phòng VH-XH xã	Phòng Kinh tế xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Hạ tầng viễn thông, internet đã phủ đến các khu dân cư và vùng sản xuất; tiếp tục phối hợp doanh nghiệp viễn thông xử lý vùng lõm sóng, duy trì chất lượng dịch vụ.
10	Tiêu chí số 3: Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Tốc độ tăng bình quân thu nhập đầu người đạt mức yêu cầu nhóm 2, bình quân khoảng 9,5–12%/năm; số liệu phải được xác định theo phương pháp thống kê, có thời điểm chốt.	Phòng Kinh tế xã	Thống kê cơ sở Trường Ninh, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Thu nhập bình quân đầu người được báo cáo khoảng 62 triệu đồng/người/năm, tốc độ tăng khoảng 10% so với năm trước; tiếp tục cập nhật theo số liệu thống kê chính thức và phương pháp tính được hướng dẫn.
11	Tiêu chí số 3: Phát triển kinh tế nông thôn	3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Có ít nhất 01 vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng/vật nuôi chủ lực; tối thiểu 30% diện tích hoặc sản lượng được chứng nhận chất lượng hợp lệ; có liên kết chế biến, tiêu thụ ổn định bằng hợp đồng/thỏa thuận được thực hiện thực tế; có hồ sơ quản lý và dữ liệu số vùng nguyên liệu.	Phòng Kinh tế xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	CHƯA ĐẠT. Xã duy trì vùng sản xuất lúa tập trung khoảng 4.000 ha/năm; trên 50% diện tích đã có liên kết sản xuất/tiêu thụ theo báo cáo rà soát. Tuy nhiên chưa chứng minh đầy đủ tối thiểu 30% diện tích/sản lượng được chứng nhận chất lượng hợp lệ; hồ sơ vùng trồng, bản đồ số, danh sách hộ, chứng nhận và hợp đồng liên kết được thực hiện thực tế chưa đồng bộ.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
12	Tiêu chí số 3: Phát triển kinh tế nông thôn	3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ít nhất 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế xanh hoặc kinh tế tuần hoàn hoạt động hiệu quả; có quy mô, quy trình, kết quả và khả năng duy trì được xác nhận.	Phòng Kinh tế xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Có 09 HTX nông nghiệp ứng dụng cơ giới hóa, máy bay không người lái và tiến bộ kỹ thuật; có các mô hình chăn nuôi khép kín, trang trại ứng dụng thiết bị làm mát. Tiếp tục tổng hợp hồ sơ quy mô, hiệu quả và tính bền vững của từng mô hình.
13	Tiêu chí số 3: Phát triển kinh tế nông thôn	3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Có kế hoạch phát triển OCOP giai đoạn 2026–2030; có sản phẩm OCOP còn thời hạn đáp ứng ngưỡng nhóm 2 và lộ trình nâng hạng; duy trì chủ thể, trong đó quan tâm HTX/doanh nghiệp nhỏ và chủ thể nữ.	Phòng Kinh tế xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Toàn xã có 09 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên còn thời hạn ; các chủ thể được hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại. Có 3/3 HTX có sản phẩm OCOP do phụ nữ quản lý theo số liệu đã tổng hợp; tiếp tục duy trì chất lượng và xây dựng lộ trình nâng hạng.
14	Tiêu chí số 3: Phát triển kinh tế nông thôn	3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Các điểm/mô hình du lịch nông thôn có trong quy hoạch (nếu có) được đầu tư hạ tầng kết nối, hoạt động hiệu quả, gắn với đặc trưng văn hóa, lịch sử và sản phẩm địa phương.	Phòng VH-XH xã	Phòng Kinh tế xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Xã có tiềm năng du lịch gắn với các di tích, địa chỉ văn hóa-lịch sử như Bến phà Long Đại, Đền tưởng niệm các AHLS TNXP Long Đại, Nhà thờ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh và các di tích khác; tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kết nối, sản phẩm và điều kiện công nhận điểm du lịch khi đủ điều kiện.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
15	Tiêu chí số 3: Phát triển kinh tế nông thôn	3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động hiệu quả; đánh giá trên kết quả hoạt động, doanh thu, lợi nhuận, thành viên, dịch vụ và khả năng liên kết sản xuất.	Phòng Kinh tế xã	Phòng VH-XH xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Có 09/09 HTX nông nghiệp duy trì hoạt động, có lãi 6 tháng đầu năm 2026, duy trì thành viên và triển khai đại hội nhiệm kỳ; tiếp tục cập nhật báo cáo tài chính, doanh thu, lợi nhuận và chất lượng dịch vụ.
16	Tiêu chí số :	3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Có ít nhất 01 Tổ khuyến nông cộng đồng được kiện toàn, có quy chế/kế hoạch và hoạt động thực chất về tư vấn kỹ thuật, liên kết, thị trường, OCOP, chuyển đổi số, môi trường và phòng chống thiên tai.	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã	Phòng Kinh tế xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Đã thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng cấp xã và ban hành quy chế hoạt động; hỗ trợ HTX liên kết doanh nghiệp, chuyển giao mô hình sản xuất tiên tiến, hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn.
17	Tiêu chí số :	3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định.	Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi đạt ngưỡng quy định; việc bình xét, công nhận phải theo hướng dẫn của Hội Nông dân và có danh sách/số liệu kiểm chứng.	Hội Nông dân xã	Phòng Kinh tế xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Hội Nông dân thực hiện rà soát, bình xét hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi; tiếp tục cập nhật danh sách, tỷ lệ và quyết định công nhận theo hướng dẫn chuyên ngành.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
18	Tiêu chí số :	3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân gắn với tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động địa phương; cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động đúng quy định.	Phòng Kinh tế xã	Phòng VH-XH xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Toàn xã có khoảng 1.720 cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể, góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập; tiếp tục hỗ trợ đăng ký kinh doanh, tiếp cận vốn, thị trường và tuân thủ pháp luật.
19	Tiêu chí số :	3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	Có ít nhất 01 khu/cụm công nghiệp, làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất - dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư và hoạt động theo quy định.	Phòng Kinh tế xã	Phòng VH-XH xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Trên địa bàn có khu/cụm sản xuất Áng Sơn được xác định trong quy hoạch; tiếp tục đối chiếu tên gọi pháp lý, quyết định quy hoạch/thành lập và tình trạng đầu tư, hoạt động để thống nhất hồ sơ đánh giá.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
20	Tiêu chí số 4: Đào tạo nguồn nhân lực	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 35% trở lên đối với nhóm 2.	Phòng VH-XH xã	Các đơn vị trường học trên địa bàn xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Số liệu rà soát có 9.971 lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; tỷ lệ báo cáo đạt khoảng 35%. Tiếp tục đối soát tổng số lao động trong độ tuổi và danh sách bằng cấp/chứng chỉ.
21	Tiêu chí số 4: Đào tạo nguồn nhân lực	4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt trên 50% theo yêu cầu nhóm 2.	Phòng VH-XH xã	Các đơn vị trường học trên địa bàn xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau THPT đạt trên 50% ; tiếp tục phối hợp cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo nghề cập nhật số liệu hằng năm.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
22	Tiêu chí số 5: Văn hóa, giáo dục, y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đáp ứng đầy đủ các cấu phần phát triển văn hóa: (i) Trung tâm VH-TT xã tách biệt trụ sở hành chính, diện tích và công năng theo quy định; (ii) thư viện công cộng cấp xã, diện tích tối thiểu 200 m²; (iii) 100% thôn có nhà văn hóa-khu thể thao, ít nhất 70% đạt chuẩn, có thiết bị thể thao/vui chơi và quy chế; (iv) trung tâm VH-TT, thư viện, nhà văn hóa thôn tổ chức hoạt động thường xuyên; (v) 100% thôn có hương ước/quy ước đúng quy định, tỷ lệ thôn văn hóa từ 75%, có mô hình phòng chống bạo lực gia đình; (vi) bảo tồn, giáo dục di sản; (vii) quản lý văn hóa trên môi trường số, mã QR, truyền thanh thông minh; (viii) cán bộ, cộng tác viên văn hóa được bồi dưỡng	Phòng VH-XH xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	CHƯA ĐẠT. Xã chưa có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã tách biệt trụ sở hành chính và chưa có thư viện công cộng cấp xã. Có 3/16 thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn, mới 2/16 thôn có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp dụng cụ thể thao ngoài trời/khu vui chơi trẻ em; cần rà soát quy chế hoạt động. Các thôn duy trì CLB dân vũ, dưỡng sinh; tỷ lệ hộ gia đình thể thao khoảng 35%, người dân tập luyện thường xuyên khoảng 45%. Có hương ước, quy ước đã được rà soát, phê duyệt. Đài truyền thanh thông minh có 43 cụm loa tại 12/16 thôn (75%); chưa hoàn thành đồng bộ mã QR tra cứu di tích và bồi dưỡng nhân lực văn hóa. Cần lập kế hoạch theo từng cấu phần, không chỉ đầu tư công trình.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
			chuyên môn.			
23	Tiêu chí số 5: Văn hóa, giáo dục, y tế	5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đáp ứng yêu cầu nhóm 2 về trường học đạt chuẩn quốc gia (từ 90%); phổ cập giáo dục mầm non 3–5 tuổi; giáo dục bắt buộc hết THCS; tỷ lệ hoàn thành THPT/tương đương và học tiếp sau THCS; trung tâm học tập cộng đồng/trung tâm học tập số; xóa mù chữ mức độ 2.	Phòng VH-XH xã	Các đơn vị trường học trên địa bàn xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Có 6/6 trường đạt chuẩn quốc gia duy trì phổ cập mầm non, tiểu học, THCS, xóa mù chữ; tỷ lệ trẻ 3–5 tuổi đến trường đạt 100%; 494/497 học sinh hoàn thành chương trình THCS (99,4%), tỷ lệ học sinh tiếp tục học/đào tạo sau THCS trên 90%. Tiếp tục duy trì phổ cập và có lộ trình nâng tỷ lệ trường chuẩn.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
24	Tiêu chí số 5: Văn hóa, giáo dục, y tế	5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo hướng dẫn hiện hành; bảo đảm tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, y tế dự phòng, khám chữa bệnh ban đầu, dân số, bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe và các chỉ số chuyên môn theo quy định.	Trạm y tế xã	Phòng Văn hóa – Xã hội, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	CHƯA ĐẠT. Trạm Y tế xã đã được tổ chức lại theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã, có nhân lực và cơ sở vật chất bước đầu. Tuy nhiên chưa được phê duyệt đề án vị trí việc làm; bộ phận tổ chức-hành chính-tổng hợp chưa có nhân lực chuyên trách, còn kiêm nhiệm; cơ cấu khoa/phòng và các điều kiện chuyên môn đang tiếp tục hoàn thiện theo hướng dẫn của ngành y tế. Cần làm việc với cơ quan y tế cấp tỉnh để xác định rõ danh mục điều kiện còn thiếu, nhân lực, cơ sở vật chất và lộ trình đạt chuẩn.
25	Tiêu chí số 5: Văn hóa, giáo dục, y tế	5.4. Trạm Y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Trạm Y tế xã hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh và dịch vụ chăm sóc xã hội.	Phòng VH-XH xã	Trạm Y tế xã, Phòng VH-XH xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Trạm Y tế xã đã được thành lập theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập; duy trì các điểm trạm và hoạt động khám chữa bệnh cơ bản, tuy nhiên tiếp tục hoàn thiện tổ chức, nhân lực và điều kiện hoạt động theo quy định.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
26	Tiêu chí số 6: Giảm nghèo và an sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều không vượt quá 5% đối với nhóm 2; xác định theo chuẩn nghèo đa chiều và kết quả rà soát được cấp có thẩm quyền công nhận.	Phòng Kinh tế xã	Phòng VH-XH xã, Trạm Y tế xã, các đơn vị trường học trên địa bàn xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Có 113 hộ nghèo (1,25%) và 239 hộ cận nghèo (2,64%); tỷ lệ nghèo đa chiều cộng gộp 3,89%, thấp hơn ngưỡng 5%. Tiếp tục rà soát đúng chuẩn, không để bỏ sót hoặc trùng đối tượng.
27	Tiêu chí số 6: Giảm nghèo và an sinh xã hội	6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố đạt từ 75% trở lên.	Phòng Kinh tế xã	UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố trên địa bàn đạt trên 90% theo báo cáo rà soát; tiếp tục kiểm tra các hộ có nhà ở xuống cấp, nhà tạm và cập nhật danh sách.
28	Tiêu chí số 6: Giảm nghèo và an sinh xã hội	6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt ngưỡng yêu cầu nhóm 2 (từ 75% trở lên theo bảng rà soát áp dụng).	Phòng Kinh tế xã	Phòng VH-XH xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn được báo cáo trên 90%; tiếp tục phân biệt nước hợp vệ sinh với nước sạch đạt quy chuẩn và cập nhật số liệu đơn vị cấp nước/xét nghiệm.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
29	Tiêu chí số 6: Giảm nghèo và an sinh xã hội	6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"	Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an" theo hướng dẫn của Hội LHPN Việt Nam và Hội LHPN tỉnh; có danh sách, phương pháp rà soát và kết quả xác nhận.	Hội liên hiệp Phụ nữ xã	Phòng VH-XH xã, Trạm Y tế xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã (trừ HLHPN xã), Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Hội LHPN xã triển khai tiêu chí "5 không, 3 sạch, 3 an", duy trì tuyên truyền, vận động và mô hình tại các chi hội; tiếp tục rà soát, lập danh sách hộ đạt theo hướng dẫn chuyên ngành.
30	Tiêu chí số 6: Giảm nghèo và an sinh xã hội	6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Bảo đảm bình đẳng giới; phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới; có tỷ lệ phụ nữ tham gia mô hình kinh tế, thông tin tuyên truyền định kỳ và địa chỉ tin cậy hỗ trợ người bị bạo lực.	Phòng VH-XH xã	Công an xã, Văn phòng HĐND-UBND xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Có 02 nữ tham gia Ban Thường vụ Đảng ủy, 01 nữ lãnh đạo chủ chốt; các mô hình kinh tế nông thôn có ít nhất 40% phụ nữ tham gia theo số liệu rà soát; duy trì 32 địa chỉ tin cậy, tuyên truyền bình đẳng giới định kỳ và không phát sinh tảo hôn/cưỡng ép kết hôn.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
31	Tiêu chí số 6: Giảm nghèo và an sinh xã hội	6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; thực hiện đầy đủ chính sách và cơ chế phối hợp bảo vệ trẻ em.	Phòng VH-XH xã	Công an xã, Văn phòng HĐND-UBND xã, các đơn vị trường học trên địa bàn xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Xã thường xuyên tuyên truyền phòng chống xâm hại trẻ em, bạo lực học đường, tai nạn thương tích, đuối nước; rà soát và trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Có 80 trẻ em đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội; thực hiện thăm hỏi, hỗ trợ theo chính sách.
32	Tiêu chí số 6: Giảm nghèo và an sinh xã hội	6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Có Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm; tuyên truyền, kiểm tra, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; xử lý vi phạm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng.	Phòng VH-XH xã	Trạm Y tế xã, Phòng kinh tế xã, Công an xã, Phòng VH-XH xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Đã thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm; tổ chức tuyên truyền, kiểm tra định kỳ/đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; chưa ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm tập thể nghiêm trọng. Tiếp tục kiểm tra cơ sở nhỏ lẻ, nguồn gốc và điều kiện vệ sinh.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
33	Tiêu chí số 7: Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Có ít nhất 02 điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ; ít nhất 01 điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, có mặt bằng, biển tên, giờ mở cửa và thiết bị kết nối internet theo quy định.	Phòng VH-XH xã	Phòng Kinh tế xã, các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Có 04 điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ; Trung tâm Phục vụ hành chính công được trang bị thiết bị tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
34	Tiêu chí số 7: Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số	7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Tỷ lệ hồ sơ công việc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được xử lý trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ đạt từ 85% trở lên; dữ liệu được số hóa, cập nhật và tái sử dụng.	Phòng Kinh tế xã	Phòng VH-XH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Tỷ lệ số hóa hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được báo cáo trên 95%; tiếp tục bảo đảm hồ sơ được xử lý điện tử, ký số, dữ liệu đầy đủ, chính xác và có khả năng tái sử dụng.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
35	Tiêu chí số 7: Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số	7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Triển khai thương mại điện tử có hiệu quả: chủ thể kinh doanh/cán bộ/người dân có kỹ năng số; có tổ hỗ trợ và hệ sinh thái hỗ trợ; sản phẩm địa phương hiện diện trên nền tảng/sàn; có truy xuất nguồn gốc, hoạt động bán hàng trực tuyến/livestream và phát sinh giao dịch được thống kê.	Phòng Kinh tế xã	Phòng VH-XH xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	CHƯA ĐẠT. Hoạt động thương mại điện tử hiện chủ yếu mới áp dụng đối với một số sản phẩm OCOP; mặt hàng lúa gạo có sản lượng lớn nhưng chưa hình thành thương hiệu đủ mạnh, giá trị gia tăng thấp và chủ yếu tiêu thụ qua kênh truyền thống. Chưa hình thành đầy đủ hệ sinh thái hỗ trợ thương mại điện tử, kỹ năng số, truy xuất nguồn gốc, livestream, logistics và thống kê giá trị giao dịch.
36	Tiêu chí số 7: Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số	7.4. Có mô hình thôn thông minh	Có ít nhất 01 mô hình thôn thông minh đáp ứng đủ điều kiện bắt buộc: người lao động dùng nền tảng số ≥80%; người trưởng thành có smartphone ≥80%; định danh điện tử ≥70%; hộ phủ internet băng rộng ≥80%; camera AI kết nối; wifi tại nhà văn hóa; sản phẩm chủ lực/OCOP trên sàn; Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả.	UBMT tổ quốc Việt Nam xã	Phòng Kinh tế xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Tỷ lệ lao động sử dụng nền tảng số khoảng 80%; người trưởng thành có smartphone khoảng 90%; tài khoản định danh điện tử khoảng 72,9%; 16/16 nhà văn hóa có internet/wifi, thôn có Tổ công nghệ số cộng đồng. Mô hình thôn thông minh tại thôn Thống Nhất đã được xây dựng kế hoạch; tiếp tục hoàn thiện, kiểm tra đủ 08 điều kiện bắt buộc, đặc biệt camera AI và đưa sản phẩm lên sàn.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
37	Tiêu chí số 8: Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Có phương án/hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát sinh.	Phòng Kinh tế xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. 16/16 thôn có tổ thu gom rác, tập kết tại điểm để hợp đồng vận chuyển đến khu xử lý; cần tiếp tục cập nhật tỷ lệ phân loại, thu gom, xử lý đạt 80% và tỷ lệ chôn lấp trực tiếp không quá 50% bằng số liệu khối lượng.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
38	Tiêu chí số 8: Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ và phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm/nguyên liệu/nhiên liệu/phân bón đạt từ 90% trở lên.	Phòng Kinh tế xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	CHƯA ĐẠT. Phụ phẩm trồng trọt cơ bản được tận dụng qua máy cuộn rơm, máy thái thân cây ngô làm thức ăn gia súc, nguyên liệu trồng nấm và các mục đích khác. Tuy nhiên chất thải chăn nuôi tại một số khu dân cư chưa được thu gom, xử lý triệt để, còn nguy cơ gây ô nhiễm và phát sinh dịch bệnh; chưa có số liệu chứng minh tỷ lệ xử lý đạt 90%. Cần kiểm kê hộ chăn nuôi, hướng dẫn hầm biogas/đệm lót sinh học/ủ phân, bố trí khu chăn nuôi phù hợp và thống kê tỷ lệ xử lý.
39	Tiêu chí số 8: Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) phù hợp quy hoạch và tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.	Phòng Kinh tế xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Các cơ sở sản xuất, kinh doanh cơ bản được cấp phép và chấp hành quy định bảo vệ môi trường; tiếp tục kiểm tra, cập nhật danh sách và hồ sơ môi trường của 100% cơ sở thuộc diện quản lý.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
40	Tiêu chí số 8: Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Có phương án và tổ chức thực hiện phù hợp về thoát nước, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.	Phòng Kinh tế xã	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Khu dân cư cơ bản có hệ thống kênh, rãnh thoát nước; một số tuyến được nâng cấp, khơi thông. Cơ sở chăn nuôi, sản xuất có bể lắng, lọc hoặc hầm biogas trước khi xả thải; tiếp tục rà soát điểm xả và duy tu hệ thống.
41	Tiêu chí số 8: Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Có cảnh quan, không gian xanh-sạch-đẹp-an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương; duy trì cây xanh và vệ sinh công cộng.	Phòng Kinh tế xã	Phòng VH-XH xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, Trạm Y tế xã, các đơn vị trường học trên địa bàn xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Nhiều thôn duy trì khuôn viên nhà văn hóa, sân thể thao sáng - xanh - sạch - đẹp; có hoạt động trồng cây, cải tạo ao hồ, trồng sen, nạo vét và khơi thông kênh mương. Tiếp tục nhân rộng mô hình và duy trì thường xuyên.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
42	Tiêu chí số 9: Hệ thống chính trị và hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Phòng VH-XH xã	VP HĐND-UBND xã; UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Năm 2025, Đảng bộ, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; một số tổ chức đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tiếp tục duy trì kết quả đánh giá hằng năm.
43	Tiêu chí số 9: Hệ thống chính trị và hành chính công	9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90%.	Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả; tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt từ 90% trở lên.	Trung tâm phục vụ hành chính công xã	VP HĐND-UBND xã, Phòng VH-XH xã, và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động; tỷ lệ thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình được rà soát đạt trên 95% theo báo cáo cập nhật. Tiếp tục theo dõi tỷ lệ trên hệ thống, chất lượng giải quyết hồ sơ và mức độ hài lòng.
44	Tiêu chí số 10: Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo bộ chỉ số, tiêu chí và quy trình đánh giá hiện hành.	Văn phòng HĐND-UBND xã	Công an xã, Phòng VH-XH xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Xã được đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ; duy trì phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, công khai thông tin và tự đánh giá định kỳ.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
45	Tiêu chí số 10: Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng	10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở đủ số lượng, chất lượng và điều kiện hoạt động.	Công an xã	Ban chỉ huy quân sự xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Tình hình an ninh, trật tự cơ bản ổn định; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao. Tiếp tục củng cố lực lượng và nhân rộng mô hình tự quản.
46	Tiêu chí số 10: Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng	10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã; có phương án kết nối, quản lý, vận hành, lưu trữ, bảo trì và khai thác dữ liệu đúng quy định.	Công an xã	Phòng VH-XH xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã, UBMTTQVN & các TCCTXH xã, Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT . Chỉ tiêu được tổng hợp trong nhóm 39 chỉ tiêu đã đạt; CA xã đang cập nhật danh mục camera, vị trí, phạm vi giám sát, tình trạng hoạt động, kết nối AI, lưu trữ và phương án bảo trì để bảo đảm có căn cứ đánh giá đầy đủ trên toàn địa bàn.

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Yêu cầu cụ thể của chỉ tiêu (Nhóm 2)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Đánh giá thực trạng thực hiện của xã
47	Tiêu chí số 10: Tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng	10.4. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp; bảo đảm trụ sở, chế độ, tiêu chuẩn, tổ chức, huấn luyện, trực sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.	Ban chỉ huy quân sự xã	Ban quản lý các thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan	ĐÃ ĐẠT. Ban CHQS xã có trụ sở làm việc; lực lượng dân quân được tổ chức, quản lý, huấn luyện, tham gia hội thi, hội thao, diễn tập và thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Tiếp tục bảo đảm chế độ, tiêu chuẩn, trang bị và nhiệm vụ quốc phòng địa phương.